TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK SONG** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2017/DS-ST
Ngày 26-9-2017
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Triệu.

Các Hội nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Hải.

2. Bà Hứa Thị Nhị.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Bá Luân – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Đăk Song.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2017/TLST-DS, ngày 10/05/2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2017/QĐST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 27/2017/QĐST-DS ngày 13/09/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Thôn 3, xã N, huyện Đ, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đặng T– theo văn bản ủy quyền ngày 12/5/2017. Có mặt.

Địa chỉ: 39 Lê Thánh Tông, thành phố B, tỉnh Đ.

Bị đơn: Chị Lê Thị Kim L, sinh năm 1978. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

Địa chỉ: Thôn 3, xã N, huyện Đ, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Do quen biết bà T có cho chị L mượn 02 tấn cà phê quy ra giá thời điểm mượn là 41.000.000đ/tấn

và vay 02 đợt tiền là 30.000.000đ, tổng cộng vay 112.000.000đ. Khi vay tiền hai bên có viết giấy tay với nhau, có chữ ký của chị L. Sau đó chị L có vay thêm của bà T 2.000.000đ. Tổng số tiền chị L vay của bà T là 114.000.000đ. Quá trình hòa giải tại UBND xã N chị L hẹn đến ngày 201/12/2015 sẽ trả toàn bộ số tiền trên nhưng đến thời hạn trả nợ chị L cố tình không trả, sau đó chị L đã bỏ đi khỏi địa phương, bà T không biết chị L ở đâu. Bà T cũng đã làm đầy đủ thủ tục tiềm kiếm vắng mặt tại nơi cư trú đối với chị L. Nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị L có nghĩa vụ trả cho bà T toàn bộ số tiền gốc 114.000.000đ và lãi suất từ ngày 20/12/2015 đến nay là 9%/năm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung vụ án phát biểu như sau:

Qua nghiên cứu đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng thì thấy: Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và việc thụ lý giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong vụ án: Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành không tốt, cụ thể vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS. Bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại thôn 3, xã N, huyện Đ, tỉnh Đ. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Đắk Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[1.2] Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tống đạt hợp lệ đúng theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Tố tụng dân sự để thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đương sự và các văn bản tố tụng khác cho đương sự. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp hành tốt. Do bị đơn bỏ đi khỏi nơi cư trú và nguyên đơn cũng đã áp dụng đầy đủ biện pháp tìm kiếm vắng mặt tại nơi cư trú đối với chị L, Tòa án đã niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bị đơn vắng mặt nên tại phiên tòa ngày 13/9/2017 HĐXX đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của BLTTDS. Quyết định hoãn phiên toà có thông báo thời

gian mở lại phiên toà, đã tống đạt hợp lệ cho các đương sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai. Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc bị đơn bỏ đi khỏi địa phương, không chấp hành pháp luật được coi là tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét hợp đồng vay tài sản giữa bà T và chị L là có thật thể hiện qua giấy cho mượn tiền (bút lục 32), tại biên bản hòa giải ngày 13/7/2015 tại UBND xã N chị L cũng thừa nhận nợ bà T số tiền 114.000.000đ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của BLTTDS thì *"...2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh."* Vì vậy, HĐXX có căn cứ để xác định việc chị L vay bà T số tiền 114.000.000đ là có thật.

[2.2] Xét yêu cầu của bà T đề nghị chị L trả số tiền gốc còn nợ là 114.000.000đ, HĐXX thấy rằng chị L là bên vay nên quyền và nghĩa vụ của bên vay được xác lập theo quy định tại khoản 1 Điều 13 BLDS 2005: Quyền, nghĩa vụ dân sự được xác lập từ các căn cứ sau đây: "1. *Giao dịch dân sự hợp pháp"*. Chị L đã chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 286 BLDS năm 2005 *"1. Chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự là nghĩa vụ vẫn chưa được thực hiện hoặc chỉ được thực hiện một phần khi thời hạn thực hiện nghĩa vụ đã hết"*. Tại Điều 474 của Bộ luật dân sự 2005 quy định: *"1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận khác..."*

[3] Trong giấy vay tiền các bên không thỏa thuận lãi suất cho vay nên theo quy định tại khoản 4 Điều 474 của BLDS 2005 thì "...*4. Trong trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi đối với khoản nợ chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn chậm trả tại thời điểm trả nợ..."*. Bà T yêu cầu chị L trả số tiền lãi chậm trả (kể từ ngày 20/12/2015 đến nay là 21 tháng 06 ngày) 9%/năm tương đương 0.75%/tháng là 18.126.000đ không trái pháp luật có cơ sở để chấp nhận.

Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc chị L trả số tiền nợ là 132.126.000đ, trong đó nợ gốc 114.000.000đ và nợ lãi là 18.126.000đ.

[4] Về chi phí tố tụng: Tiền chi phí giám định chữ ký của chị Lê Thị Kim L là 3.600.000đ bà Nguyễn Thị T đã nộp tạm ứng. Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận nên cần buộc chị Lê Thị Kim L phải chịu toàn bộ chi phí giám định này.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận nên cần buộc chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 3.171.000đ (Ba triệu một trăm bảy mươi mốt nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lại số 0004136 ngày 10/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 143; Điều 147; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 13; khoản 1 Điều 281; khoản 1 Điều 285; khoản 1 Điều 286; khoản 1, khoản 4 Điều 474 của BLDS năm 2005; khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Buộc chị Lê Thị Kim L phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 132.126.000đ (Một trăm ba mươi hai triệu một trăm hai mươi sáu nghìn đồng), trong đó tiền gốc 114.000.000đ (Một trăm mười bốn triệu đồng) và tiền lãi là 18.126.000đ (Mười tám triệu một trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

2. Về chi phí tố tụng: Buộc chị Lê Thị Kim L phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 3.600.000đ (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền chi phí giám định.

3. Về án phí DSST: Buộc chị Lê Thị Kim L phải chịu 6.786.000đ (Sáu triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 3.171.000đ (Ba triệu một trăm bảy mươi mốt nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lại số 0004136 ngày 10/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án."

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Nông;*
- *STP tỉnh Đắk Nông;*
- *VKSND huyện Đắk Song;*
- *Chi cục THA huyện Đắk Song;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Xuân Triệu